| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC**<br>TỈNH KIÊN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 166 /2024/DS-ST
Ngày 27/9/2024
*V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Hồng Tâm**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Ngô Rạng Đông**
2. Bà **Nguyễn Thị Thu Ba**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Yến** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa*: Bà **Vũ Thị Yến Nhi**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 286/2023/TLST-DS, ngày 25 tháng 7 năm 2023, về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên Tòa số 179/2024/QĐST-DS ngày 12/9/2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Ông Lưu Ngọc C, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Khu phố P H , thị trấn P B , huyện X M , tỉnh B R - V T .

Người đại diện theo uỷ quyền của ông C: Anh Đoàn Anh T, sinh năm 1991. Anh Trần Hữu T, sinh năm 1994. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 7, đường Trần Hưng Đạo, khu phố T S , thị trấn P B , huyện X M , tỉnh B R – V T .

*** Bị đơn**: Ông Vũ Văn N, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Bà Trần Thị M, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố 1, phường D Đ , thành phố P Q , tỉnh K G .

## NỘI DUNG VỤ ÁN

****** Tại đơn khởi kiện ngày 16/02/2023 và trong quá trình tố tụng người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn anh Trần Hữu T trình bày:*

Năm 2021 ông Lưu Ngọc C có cho vợ chồng bà Trần Thị M, ông Vũ Văn N vay số tiền 3.500.000.000 đồng (*Ba tỷ năm trăm triệu đồng*), ông C đã

giao tiền cho vợ chồng bà Mai ông N bằng hình thức chuyển khoản thành 02 đợt cụ thể như sau:

Đợt 1: Ngày 25/01/2021 chuyển 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng*)

Đợt 2: Ngày 27/12/2021 chuyển 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*)

Khi chuyển tiền cho vay thì giữa hai bên không lập giấy vay tiền đến ngày 01/5/2022 hai bên mới viết giấy vay tiền thoả thuận thời hạn vay là 3 tháng kể từ ngày 01/5/2022, lãi suất 4%/tháng, lãi suất trả hàng tháng. Vợ chồng ông N bà Mai có gửi cho ông C giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất toạ lạc tại ấp Cây Thông Ngoài, xã Cửa Dương, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang để làm tin. Từ ngày vay tiền đến tháng 10 năm 2022 vợ chồng ông N bà Mai đóng số tiền lãi là 380.000.000 đồng, kể từ tháng 10 năm 2022 đến nay vợ chồng ông N, bà Mai không trả tiền gốc, tiền lãi. Nay đã quá hạn trả nợ đã lâu ông C đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông N bà Mai trả lại số tiền vay 3.500.000.000 đồng và tiền lãi nhưng ông bà không thực hiện.

Ông C có đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Vũ Văn N, bà Trần Thị M trả cho ông Lưu Ngọc C số tiền gốc 3.500.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Ngày 01/8/2023 ông C có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu vợ chồng bà Mai trả tiền lãi tạm tính từ ngày 01/11/2022 đến 01/8/2023 với mức lãi suất 150% lãi suất cơ bản (30%/năm) là 875.000.000đồng. Ngày 19/8/2024 ông C có đơn xin rút lại yêu cầu tính phần lãi suất đối với vợ chồng bà Mai.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 494605, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 02/8/2017 cho ông Phạm Quang Hàng; được chỉnh lý biến động sang tên cho ông Nguyễn Văn Bôn vào ngày 22/8/2019 thì ông Thắm trình bày khi nào bà Mai, ông N trả hết các khoản nợ nêu trên cho ông C, ông C sẽ giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Mai, ông N.

2. Bị đơn là bà Trần Thị M và ông Vũ Văn N vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nên không ghi nhận được ý kiến của bà Mai và ông N.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, thực hiện đúng các quy định của pháp luật như: Thụ lý đúng thẩm quyền theo Điều 26, 35, 39 BLTTDS; đã thực hiện việc giao nhận Thông báo thụ lý cho Viện Kiểm sát và đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS. Xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS. Xác minh thu thập chứng cứ và giao nhận chứng cứ đúng quy định tại Điều 97, 98 BLTTDS; Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng pháp luật về thủ tục của phiên toà sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa

vụ tố tụng theo quy định tại Điều 72 BLTTDS . Thời hạn xét xử vụ án chưa đảm bảo thời hạn đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 BLTTDS. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do, đề nghị HĐXX căn cứ điều 227, 228 BLTTDS xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, buộc bà Mai ông N trả số tiền vay gốc 3.500.000.000 đồng cho ông C. Ghi nhận việc ông C không yêu cầu tính lãi suất, đình chỉ đối với yêu cầu này.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đoàn Anh T, ông Trần Hữu T có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn là bà Trần Thị M ông Vũ Văn N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án; tại phiên toà hôm nay bà Mai và ông N vắng mặt lần thứ 2. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Trong năm 2021 ông C cho vợ chồng bà Mai vay 02 lần tiền là 3.500.000.000 đồng, ngày 25/01/2021 chuyển 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng*), ngày 27/12/2021 chuyển 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*) đến ngày 01/5/2022 ông Lưu Ngọc C và bà Trần Thị M và ông Vũ Văn N ký giấy vay tiền với ông Lưu Ngọc C số tiền vay là 3.500.000.000 đồng (*Ba tỷ năm trăm triệu đồng*); lãi suất 4%/tháng; thời hạn vay là 03 tháng, kể từ ngày 01/5/2022. Để đảm bảo cho khoản vay bà Trần Thị M và ông Vũ Văn N giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 494605, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 02/8/2017 cho ông Phạm Quang Hàng; được chỉnh lý biến động sang tên cho ông Nguyễn Văn Bôn vào ngày 22/8/2019. Từ ngày vay đến 01/11/2022 vợ chồng bà Mai có đóng tiền lãi cho ông C nhiều lần tổng cộng là 380.000.000đồng cũng từ ngày 01/11/2022 đến nay vợ chồng bà Mai không trả tiền gốc, tiền lãi, yêu cầu tính lãi suất với mức lãi suất 150% lãi suất cơ bản (30%/năm) là 875.000.000đồng. Ngày 19/8/2024 ông C có đơn xin rút lại yêu cầu tính phần lãi suất đối với vợ chồng bà Mai.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét thấy nguyên đơn có giao nộp 01 giấy vay tiền viết tay ngày 01/5/2022 bản gốc có chữ ký của bà Trần Thị M, ông Vũ Văn N là có căn cứ, việc vay tiền là hoàn toàn tự nguyện, hai bên có thoả thuận lãi suất 4%/tháng là vượt quá lãi

suất giới hạn được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; tuy nhiên từ ngày 25/01/2021 đến nay bà Mai, ông N trả cho ông C 380.000.000 đồng tiền lãi, nếu tính lãi suất theo quy định pháp luật đến nay thì không vượt quá quy định, nhưng ông C không yêu cầu vợ chồng bà Mai trả thêm tiền lãi, yêu cầu bà Mai, ông N trả lại số tiền gốc đã vay là 3.500.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng bà Mai phải trả số tiền nợ gốc 3.500.000.000 đồng cho ông C. Ông C rút yêu cầu tính lãi suất đây là sự tự nguyện của ông C nên chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện tính lãi suất.

Đối với bị đơn bà Trần Thị M, ông Vũ Văn N đã được Tòa án tống đạt niêm yết các thủ tục tố tụng hợp lệ, nhưng bà Mai ông N đều vắng mặt nên không nghi nhận được ý kiến, xem như vợ chồng bà Mai thừa nhận nội dung sự việc và từ chối quyền tự bảo vệ quyền lợi của mình.

[4]. Về các vấn đề khác:

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 494605, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 02/8/2017 cho ông Phạm Quang Hàng; được chỉnh lý biến động sang tên cho ông Nguyễn Văn Bôn vào ngày 22/8/2019 thì ông Thắm trình bày khi nào bà Mai, ông N trả hết các khoản nợ nêu trên cho ông C thì ông C sẽ giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Mai, ông Thật, hiện nay ông Lưu Ngọc C đang giữ. Do bà Trần Thị M, ông Vũ Văn N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không ghi nhận được ý kiến của bà Mai, ông N về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp thì các đương sự khởi kiện vụ án dân sự khác.

[5]. Về án phí:

- Bà Trần Thị M và ông Vũ Văn N phải chịu án phí có giá ngạch trên số tiền 3.500.000.000 đồng phải trả cho ông C, thành tiền án phí là 102.000.000 đồng.

- Ông Lưu Ngọc C được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 280, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Ngọc C.

**2.** Buộc bà Trần Thị M, ông Vũ Văn N trả nợ vay cho ông Lưu Ngọc C theo Giấy vay tiền ngày 01/5/2022, với số tiền gốc là 3.500.000.000 đồng (*Ba tỷ năm trăm triệu đồng*).

Đình chỉ phần yêu cầu tính lãi suất của ông C đối với bà Mai, ông N.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành không trả hoặc trả không đầy đủ khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật dân sự theo Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa trả.

**3.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị M và ông Vũ Văn N phải chịu án phí có giá ngạch là 102.000.000đồng.

- Ông Lưu Ngọc C được miễn nộp tiền án phí theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo quyền kháng cáo, các đương sự không có mặt tại phiên Tòa nên có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án công khai tại nơi cư trú, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Phú Quốc;
- Chi cục THADS Tp. Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Lê Thị Hồng Tâm**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN**
**CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**